CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2024

CTCP Đầu tư và Xây dựng Xuân Mai

Ngày 30/09/2024	7,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	**-**	**-6.7%**

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	6,105 - 8,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	500
Số lượng CPLH (CP)	71,403,929
KLGD BQ 20 phiên (CP)	8,320
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	1.43
EPS	695
P/E	10.1

DT thuần
Q3/24
291
tỷ VNĐ
QoQ: ▼215| -42.4%
YoY: ▼227| -43.7%

LN thuần
Q3/24
2.36
tỷ VNĐ
QoQ: ▼3.65| -60.8%
YoY: ▲ 12.3| 124%

LN sau thuế
Q3/24
-0.31
tỷ VNĐ
QoQ: ▼8.52| -104%
YoY: ▲ 12.0| 97.5%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/24
5.9%
YoY: +/-▼ 0.8%

ROE (TTM)
Q3/24
5.6%
YoY: +/-▲ 1.4%

DT thuần
9T 2024
1,271
tỷ VNĐ
YoY: ▼61.0| -4.6%

LN thuần
9T 2024
5.91
tỷ VNĐ
YoY: ▼10.5| -64.1%

LN sau thuế
9T 2024
2.38
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.63| 36.1%

Cơ cấu sở hữu

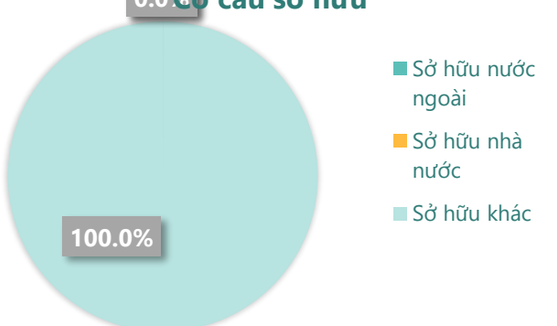

(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá

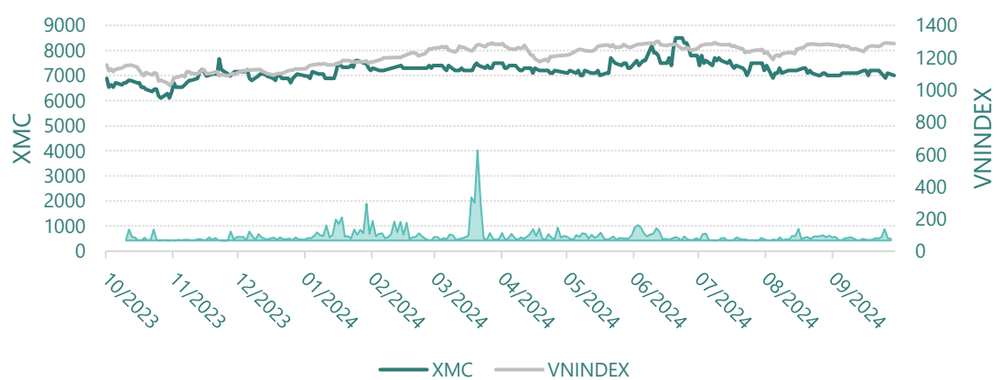

Cơ cấu cổ đông

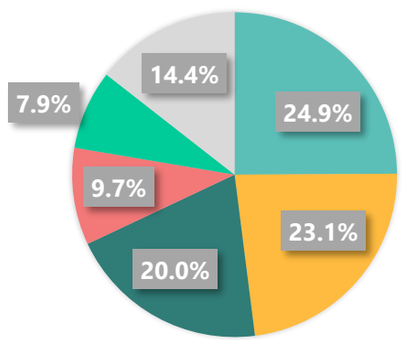

- Nguyễn Minh Trang
- Đinh Thị Thanh Hà (Thành viên HĐQT)
- Bùi Khắc Sơn (Chủ tịch HĐQT)
- Nguyễn Phương Lan
- Nguyễn Thị Thu Huyền
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp

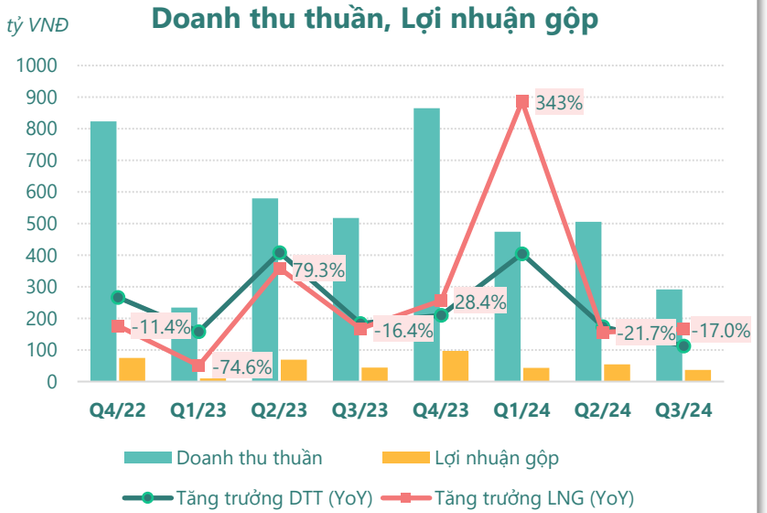

(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận

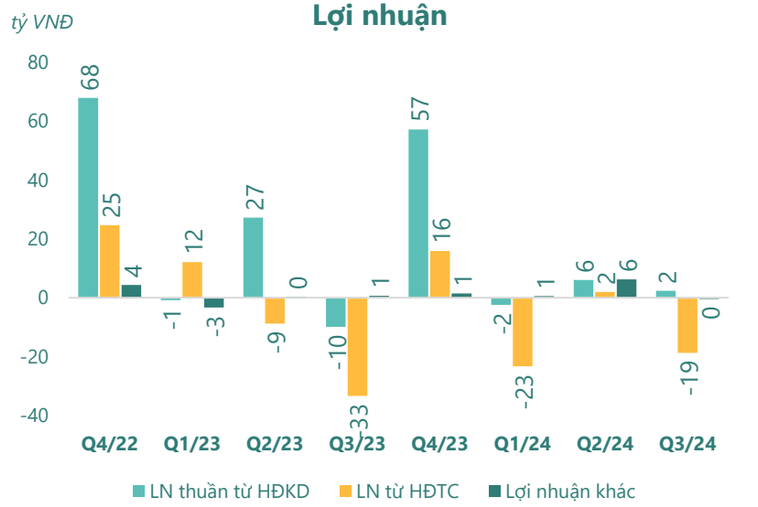

(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí

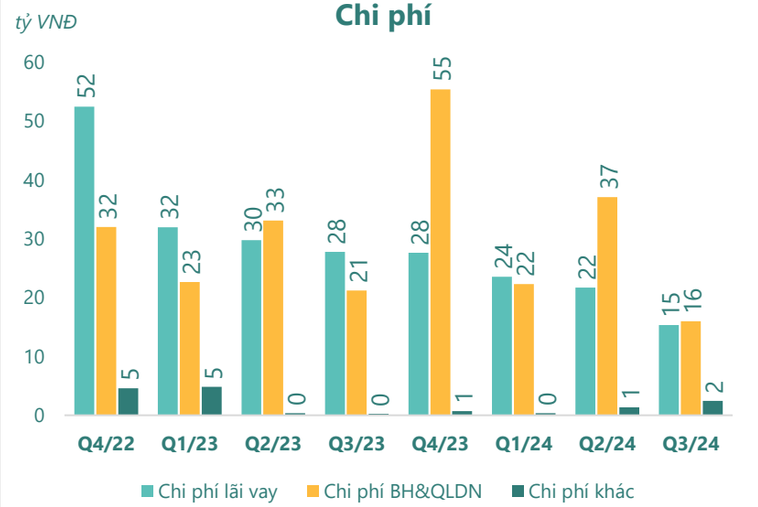

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận

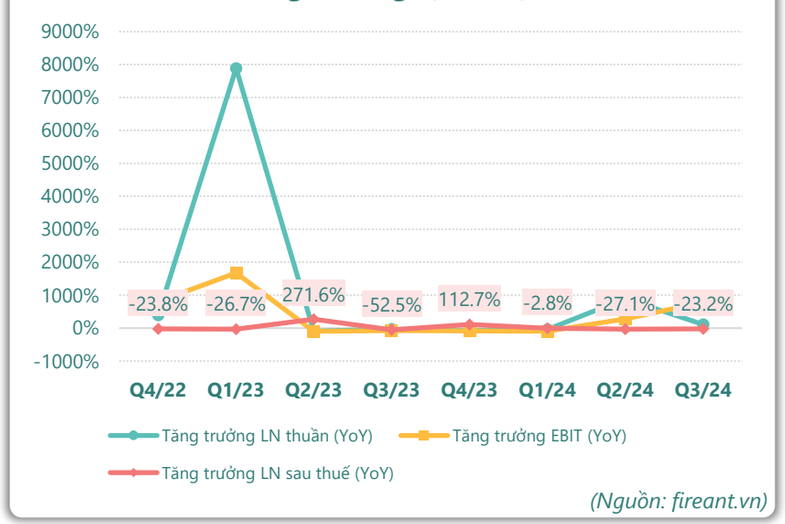

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi

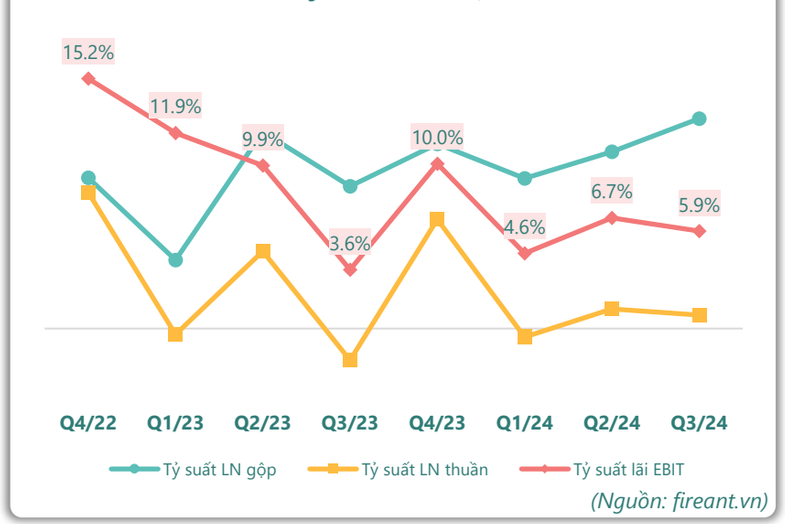

(Nguồn: fireant.vn)

Cổ tức

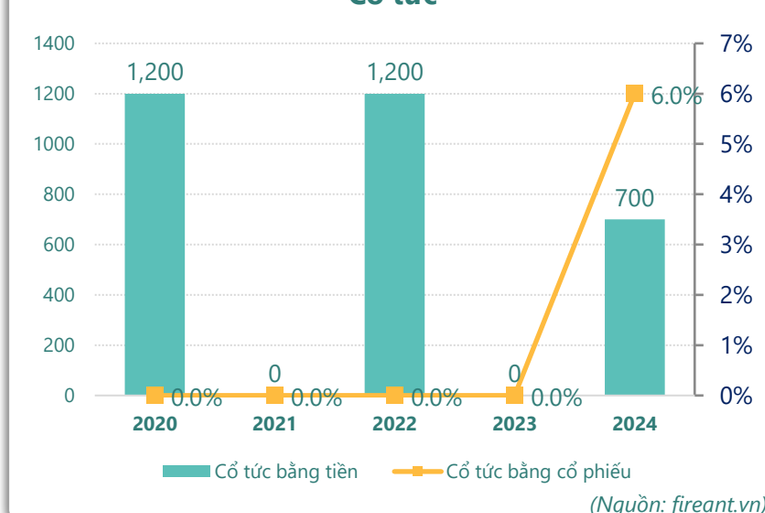

(Nguồn: fireant.vn)

TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

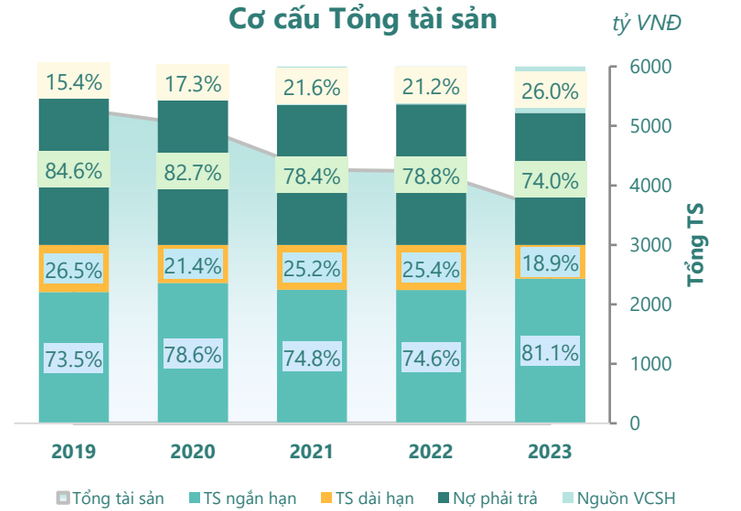

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

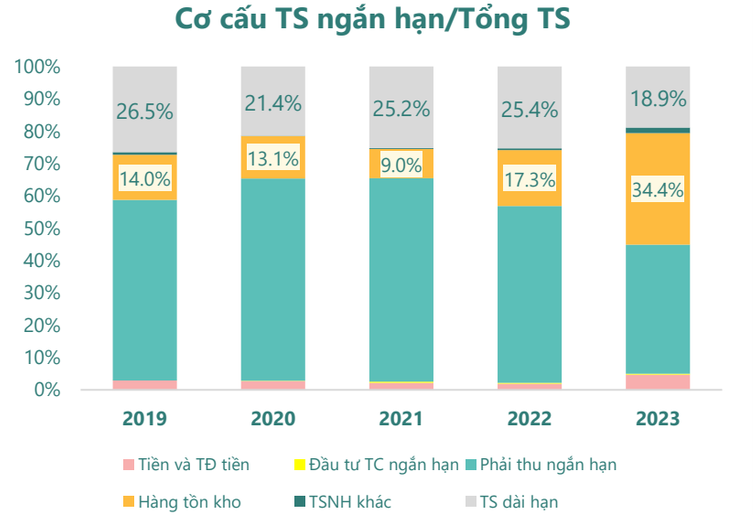

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

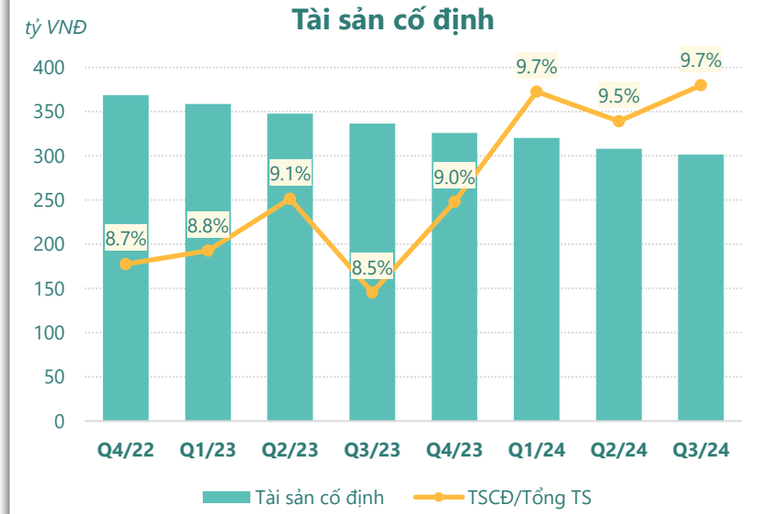

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

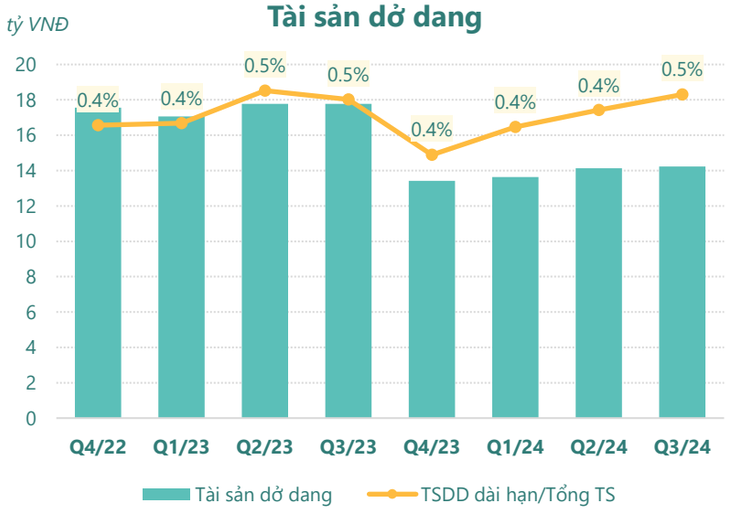

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

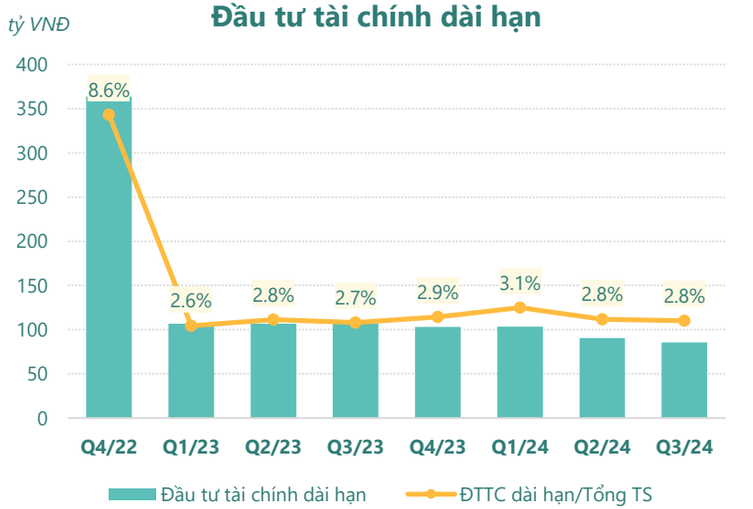

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

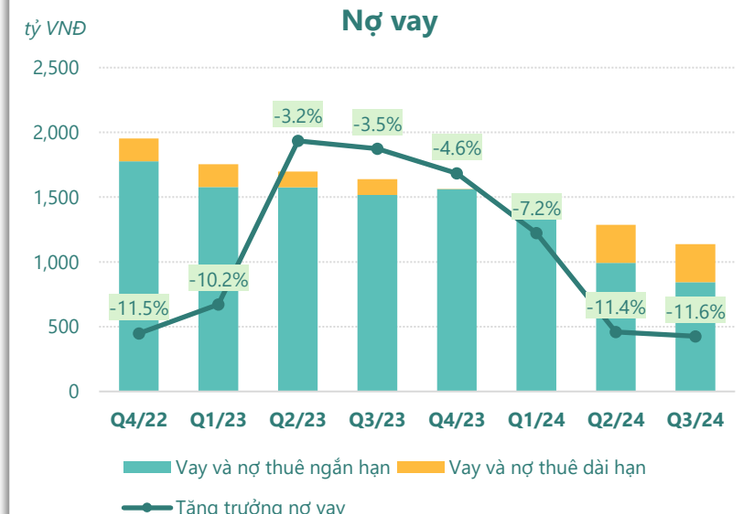

(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH

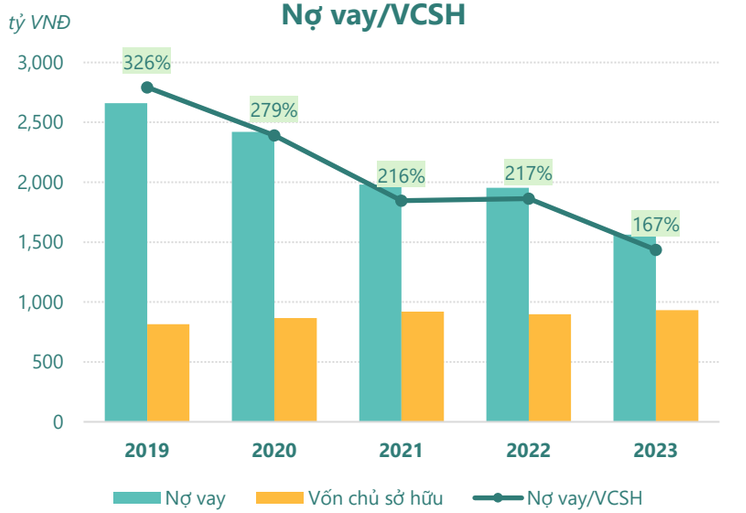

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

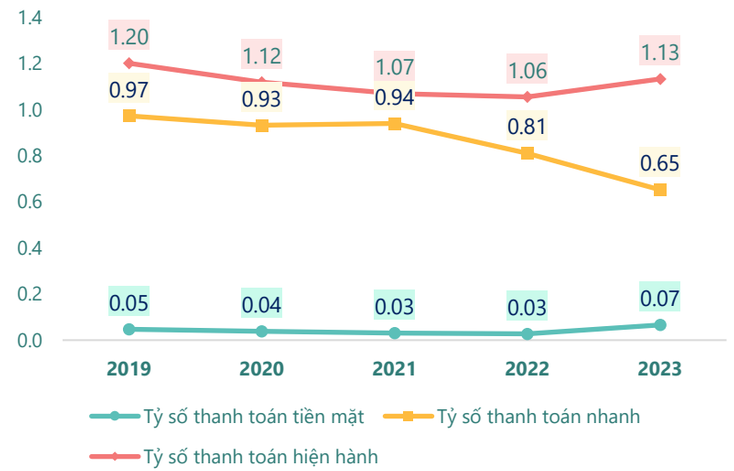

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

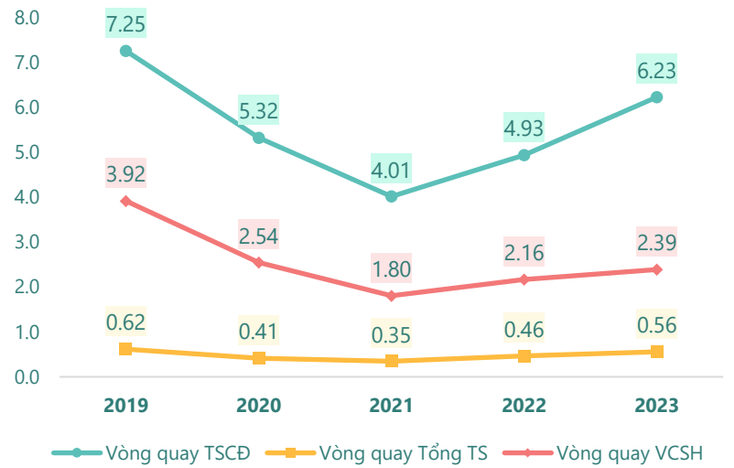

(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay

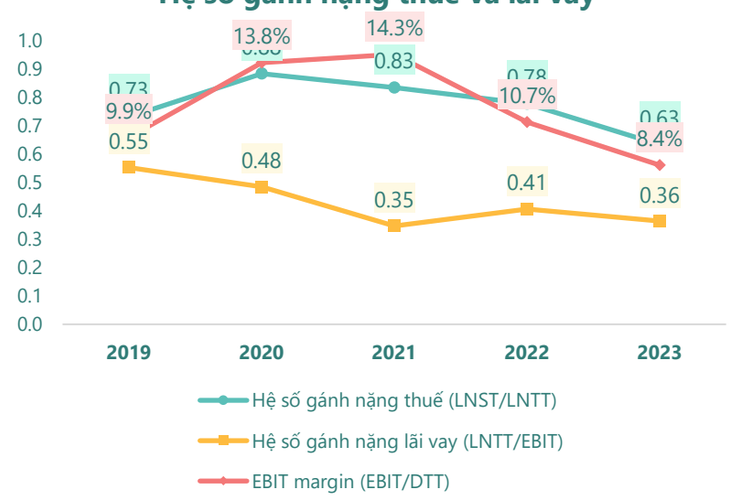

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE

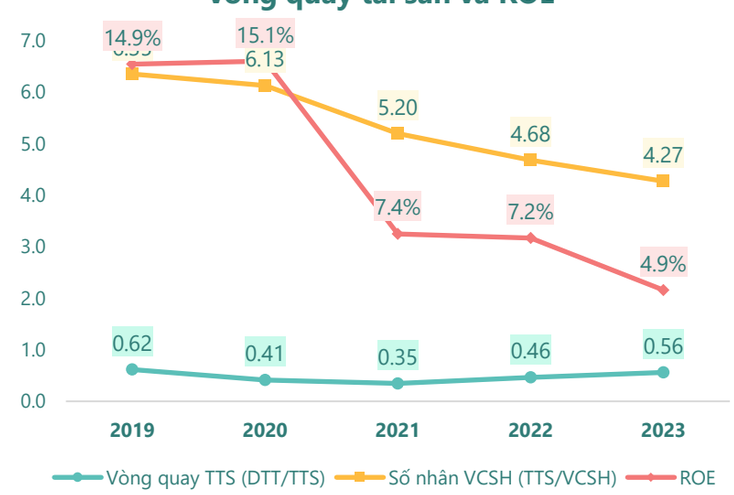

(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn

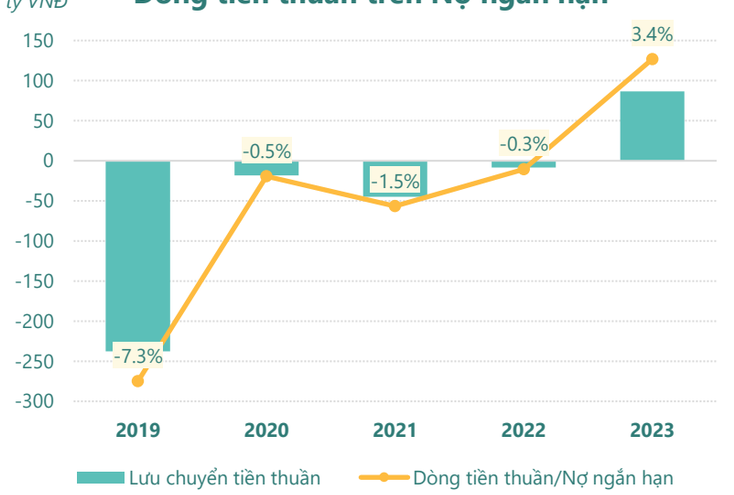

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q3/23	Thay đổi YoY	9T 2024	9T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**291**	**518**	**-43.7%**	**1,271**	**1,332**	**-4.6%**
Giá vốn hàng bán	254	473	-46.2%	1,137	1,209	-5.9%
Lợi nhuận gộp	37.1	44.7	-17.0%	135	124	8.8%
Doanh thu HĐTC	0.23	0.75	-69.3%	24.3	65.7	-63.1%
Chi phí TC	19.0	34.2	-44.4%	64.4	95.9	-32.8%
Chi phí lãi vay	15.3	27.8	-44.8%	60.7	89.5	-32.2%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**-13.0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.71	1.38	-48.2%	1.99	2.96	-32.7%
Chi phí QLDN	**15.3**	**19.8**	**-23.0%**	**73.4**	**74.0**	**-0.8%**
LN thuần từ HĐKD	2.36	-9.94	124%	5.91	16.4	-64.1%
Lợi nhuận khác	**-0.48**	**0.64**	**-175%**	**6.22**	**-2.28**	**373%**
LN trước thuế	1.88	-9.30	120%	12.1	14.2	-14.3%
Lợi nhuận sau thuế	**-0.31**	**-12.3**	**97.5%**	**2.38**	**1.75**	**36.1%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0.34**	**-11.7**	**103%**	**3.32**	**2.67**	**24.5%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-165	23.9	63.9	47.7	305	-14.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	154	0.09	75.8	0.13	29.8	-2.72
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-59.9	-48.3	-75.3	-160	-168	-151
Tiền đầu kỳ	210	138	114	169	56.4	223
Lưu chuyển tiền thuần	**-71.5**	**-24.3**	**64.3**	**-113**	**167**	**-168**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0	0.01	0	0.00	0
Tiền cuối kỳ	138	114	178	56.4	223	55.1

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**3,109**	**3,584**	**-13.3%**
Tài sản ngắn hạn	2,396	2,906	-17.6%
Tiền và tương đương tiền	55.6	169	-67.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	10.0	10.0	0.0%
Phải thu ngắn hạn	1,262	1,431	-11.8%
Hàng tồn kho	1,050	1,234	-14.9%
Tài sản ngắn hạn khác	18.5	62.6	-70.4%
Tài sản dài hạn	**712**	**677**	**5.2%**
Phải thu dài hạn	116	19.1	507%
Tài sản cố định	302	328	-8.1%
Bất động sản đầu tư	188	208	-9.3%
Tài sản dở dang	14.2	13.5	5.2%
Đầu tư tài chính dài hạn	85.5	103	-17.3%
Tài sản dài hạn khác	**6.72**	**5.58**	**20.4%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	2,226	2,651	-16.0%
Nợ ngắn hạn	**1,855**	**2,564**	**-27.6%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	844	1,562	-46.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	495	649	-23.7%
Nợ dài hạn	371	86.6	328%
Vay và nợ thuê dài hạn	292	0.79	36672%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**883**	**933**	**-5.4%**
Vốn chủ sở hữu	**883**	**933**	**-5.4%**
Vốn điều lệ	714	674	6.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)